

Số *2667*/NHCS - TDNN

Hà Nội, ngày *21* tháng 9 năm 2009

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo
đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ - TTg
ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ**

- Căn cứ Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09/9/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính "Hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020";

- Căn cứ Văn bản số 3354/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 09/9/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về mức trần chi phí đối với lao động huyện nghèo vay vốn đi làm việc ở nước ngoài.

Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg như sau:

1. Đối tượng được vay vốn

Người lao động (sau đây gọi là người vay) cư trú hợp pháp tại 61 huyện nghèo đã được tuyên chọn có nhu cầu vay vốn đi xuất khẩu lao động thuộc đối tượng được vay vốn NHCSXH đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Danh sách 61 huyện nghèo thuộc chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a gồm các huyện trong phụ lục I ban hành kèm công văn số 705/TTg-GKVX ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Các huyện mới tách ra từ 61 huyện nghèo nói trên đều thuộc đối tượng thực hiện Nghị quyết 30a.

2. Điều kiện vay vốn

Người vay vốn phải có đủ các điều kiện sau:

a) Được UBND cấp xã nơi người vay cư trú xác nhận là cư trú hợp pháp tại xã, phường, thị trấn.

b) Được bên tuyển dụng (gồm doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp) chính thức tiếp nhận đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (có hợp đồng

lao động ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc có thông báo tuyển dụng của tổ chức sự nghiệp).

3. Mức cho vay

Theo nhu cầu của người vay, tối đa bằng các khoản chi phí người vay phải đóng góp theo từng thị trường.

Các khoản chi phí bao gồm: chi phí được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (hợp đồng đã ký kết giữa doanh nghiệp dịch vụ và người lao động hoặc trong văn bản thông báo chi phí của các tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài) và các chi phí khác ngoài hợp đồng gồm: lệ phí làm visa, hộ chiếu, khám sức khỏe, lệ phí lý lịch tư pháp và 50% học phí học nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết và phí bảo hiểm (nếu có), nhưng tối đa không vượt quá mức trần cho vay theo từng thị trường lao động đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định từng thời kỳ.

Hiện nay, mức trần cho vay theo từng thị trường thực hiện theo phụ lục đính kèm văn bản số 3354/LĐTĐBXH-QLLĐNN ngày 09/9/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về mức trần chi phí đối với lao động huyện nghèo vay vốn đi làm việc ở nước ngoài.

4. Lãi suất cho vay

4.1. Người vay thuộc hộ nghèo và hộ dân tộc thiểu số: lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hiện hành của NHCSXH áp dụng đối với cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

4.2. Người vay thuộc các đối tượng còn lại của các huyện nghèo được vay theo lãi suất cho vay hiện hành của NHCSXH áp dụng cho đối tượng chính sách đi xuất khẩu lao động.

4.3. Các khoản vay được giải ngân từ ngày vay theo văn bản hướng dẫn này đến 31/12/2009 được áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 06/5/2009, số 622/QĐ-TTg ngày 17/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Tổng giám đốc NHCSXH tại văn bản số 1221/NHCS-KT ngày 19/5/2009, số 2004/NHCS-KT ngày 20/7/2009 và số 2214/NHCS-KT ngày 10/8/2009.

4.4. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

5. Thời hạn cho vay

Việc xác định thời hạn cho vay được căn cứ vào thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng tuyển dụng và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

6. Phương thức cho vay

Áp dụng phương thức cho vay ủy thác từng phần qua các tổ chức chính trị-xã hội như quy định tại văn bản số 1034/NHCS-TĐ ngày 21/4/2008 của Tổng

giám đốc NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

7. Quy trình và thủ tục cho vay

Thực hiện theo văn bản hướng dẫn số 1034/NHCS-TD ngày 21/4/2008 của Tổng giám đốc NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

Riêng Giấy đề nghị vay vốn được sử dụng Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ban hành kèm theo công văn số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng giám đốc, đối với các khoản cho vay từ nay đến 31/12/2009 thuộc diện được hỗ trợ lãi suất thì sử dụng mẫu Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ban hành kèm theo công văn số 1221/NHCS-KT ngày 19/5/2009 của Tổng giám đốc.

8. Xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo Quyết định số 55/QĐ-HĐQT ngày 24/02/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

9. Chế độ báo cáo thống kê

9.1. Để phản ánh kết quả cho vay người lao động tại các huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 07 hàng tháng, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh gửi Hội sở chính Báo cáo kết quả cho vay xuất khẩu lao động tại huyện nghèo (theo mẫu biểu số 02.1/TDNN đính kèm) và thêm 01 dòng kết quả cho vay xuất khẩu lao động tại huyện nghèo vào Báo cáo kết quả cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác (mẫu số 01/BCTD).

Riêng Báo cáo phân loại dư nợ cho vay theo đơn vị ủy thác (mẫu biểu số 05/BCTD) số dư nợ ủy thác từng phần cho từng tổ chức chính trị - xã hội của chương trình này được lập chung với chương trình cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

9.2. Lập báo cáo về thực hiện cho vay chương trình này theo yêu cầu của ngành Lao động Thương binh và Xã hội, UBND cùng cấp (nếu có).

10. Tổ chức thực hiện

10.1. Công tác kế hoạch

- NHCSXH địa phương làm việc với UBND và các cơ quan liên quan tại địa phương để nắm được nguồn lao động tại huyện nghèo đi xuất khẩu lao động và lập kế hoạch nhu cầu về vốn cho vay xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg, báo cáo về Hội sở chính để được bổ sung chỉ tiêu kế hoạch và nguồn vốn để cho vay chương trình này năm 2009.

- Hàng năm, ngân hàng cơ sở lập kế hoạch nhu cầu vốn cho vay chương trình cho vay xuất khẩu lao động tại huyện nghèo gửi ngân hàng cấp trên trực tiếp theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

10.2. Hạch toán kế toán

Việc hạch toán về tín dụng cho vay đối với người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động được hạch toán chung vào chương trình cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài hiện hành.

10.3. Kể từ nay trở đi, việc cho vay người lao động thuộc 61 huyện nghèo để chi phí cho việc đi lao động ở nước ngoài được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng giám đốc tại văn bản này.

Số dư nợ đã cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài thuộc 61 huyện nghèo trước đây theo văn bản số 1034/NHCS-TD ngày 21/4/2008 tiếp tục theo dõi, thực hiện thu hồi nợ và lập báo cáo theo quy định hiện hành.

10.4. Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh có huyện nghèo, Phòng giao dịch huyện nghèo báo cáo UBND và Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp biết, chỉ đạo; tổ chức phổ biến nội dung Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung văn bản hướng dẫn cho vay này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay và cán bộ Tổ TK&VV để triển khai chương trình cho vay đúng quy định. Đồng thời tổ chức tuyên truyền và công khai chủ trương, chính sách, công khai đối tượng thụ hưởng và danh sách hộ được vay vốn kịp thời tại điểm giao dịch xã theo quy định.

Nhận được văn bản này, yêu cầu Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, có vướng mắc báo cáo về Hội sở chính NHCSXH để xem xét, giải quyết.

(Gửi kèm Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020, Thông tư số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09/9/2009, công văn số 3354/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 09/9/2009 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ Lao động - TB&XH;
- Bộ Tài chính;
- Các tổ chức CT-XH (để phối hợp th/h);
- Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Thành viên Ban CGTV HĐQT;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát;
- Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các phòng, ban tại Hội sở chính;
- TT Đào tạo, TT CNTT (để truyền Fastnet);
- 20 chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố theo danh sách;
- 61 PGD NHCSXH thuộc huyện nghèo;
- Lưu VT, TDNN.



Hà Thị Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN NGHÈO

Tháng ... năm ...

(Theo quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009)

Đơn vị: Triệu đồng, hộ

TT	HUYỆN	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Xóa nợ		Tổng dư nợ	Trong đó			Dư nợ trung, dài hạn	Số khách hàng còn dư nợ	Số tiền dư nợ của người DTTS		Số tiền dư nợ thuộc các xã CT 135		Số tiền dư nợ các hộ DTTS định canh, định cư		Lấy kế số LĐ được vay vốn đi XKK lao động từ đầu năm	Lấy kế số lượt khách vay vốn từ đầu năm
		Tháng này	Lũy kế từ đầu năm	Tháng này	Lũy kế từ đầu năm	Tháng này	Lũy kế từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoa học			Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn	Tổng số	Trong đó quá hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Huyện A																				
1.1	Hộ nghèo và DTTS																				
1.2	Hộ khác																				
2	Huyện B																				
1.1	Hộ nghèo và DTTS																				
1.2	Hộ khác																				
3	...																				
	Tổng cộng																				
	* Hộ nghèo và DTTS																				
	* Hộ khác																				

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm 20....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

NHC SXH tỉnh
 Phòng giao dịch

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH

Tháng ... Năm

Đơn vị: triệu đồng, hộ

TT	CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY	DOANH SỐ CHO VAY		DOANH SỐ THU NỢ		XOÁ NỢ		TỔNG DƯ NỢ	TRONG ĐÓ			Số dư nợ hàng còn dư nợ	Số tiền dư nợ của người DTTS		Số tiền dư nợ thuộc các xã 135		Số tiền dư nợ của hộ DTTS định canh, định cư		Lấy kế khách hàng vay vốn từ đầu năm	
		Tháng này	Lấy kế từ đầu năm	Tháng này	Lấy kế từ đầu năm	Tháng này	Lấy kế từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoaanh		Tổng số	Tr.đó quá hạn	Tổng số	Tr.đó quá hạn	Tổng số	Tr.đó quá hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Hộ nghèo																			
2	Giải quyết việc làm																			
3	Học sinh-sinh viên có hoàn cảnh khó khăn																			
4	Các DTCS đi /l/đ có thời hạn ở nước ngoài																			
5	Hộ gia đình SXKD tại vùng KK																			
6	Trả chậm nhà ở																			
7	NS & VSM/TNT																			
8	Doanh nghiệp vừa và nhỏ KFW																			
9	Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp																			
10	Hộ EB DTTS ĐBK (QĐ 32)																			
11	HGE, cơ sở, DN sd LP sau CN																			
12	Hộ EB DTTS nghèo ĐSKK (QĐ 74)																			
13	Dự án tín dụng Unilever																			
14	Hộ nghèo về nhà ở																			
15	Thương nhân HETM tại vùng khó khăn																			
16	Xuất khẩu lao động tại huyện nghèo (QĐ 71)																			
17	Dự án IFAD, RIDP																			
18	Dự án CWPDP																			
19	Cho vay khác																			
	Tổng cộng																			

Ghi chú:

Lập biểu
(kỳ, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(kỳ, ghi rõ họ tên)

... , ngày ... tháng ... năm 2009
Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC HUYỆN NGHÈO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30A/2008/NQ-CP
NGÀY 27 THÁNG 12 NĂM 2008 CỦA CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm công văn số 705/TTg-KGVX
ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Tỉnh Hà Giang, gồm 6 huyện: Đông Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Yên Minh, Xín Mần và Hoàng Su Phì.
2. Tỉnh Cao Bằng, gồm 5 huyện: Thông Nông, Bảo Lâm, Hà Quảng, Bảo Lạc và Hạ Lang.
3. Tỉnh Lào Cai, gồm 3 huyện: Si Ma Cai, Mường Khương và Bắc Hà.
4. Tỉnh Yên Bái, gồm 2 huyện: Mù Cang Chải và Trạm Tấu.
5. Tỉnh Phú Thọ, gồm 1 huyện: Tân Sơn.
6. Tỉnh Bắc Giang, gồm 1 huyện: Sơn Động.
7. Tỉnh Bắc Kạn, gồm 2 huyện: Ba Bể và Pác Nặm.
8. Tỉnh Điện Biên, gồm 4 huyện: Mường Ảng, Tủa Chùa, Mường Nhé và Điện Biên Đông.
9. Tỉnh Lai Châu, gồm 5 huyện: Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Than Uyên và Tân Uyên (tách ra từ huyện Than Uyên theo Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ).
10. Tỉnh Sơn La, gồm 5 huyện: Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Quỳnh Nhai và Sốp Cộp.
11. Tỉnh Thanh Hoá, gồm 7 huyện: Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Quan Hoá, Bá Thước, Mường Lát và Quan Sơn.
12. Tỉnh Nghệ An, gồm 3 huyện: Quế Phong, Tương Dương và Kỳ Sơn.
13. Tỉnh Quảng Bình, gồm 1 huyện: Minh Hóa.
14. Tỉnh Quảng Trị, gồm 1 huyện: Đa Krông.
15. Tỉnh Quảng Nam, gồm 3 huyện: Nam Trà My, Tây Giang và Phước Sơn.
16. Tỉnh Quảng Ngãi, gồm 6 huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà và Ba Tơ.
17. Tỉnh Bình Định, gồm 3 huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh.
18. Tỉnh Ninh Thuận, gồm 1 huyện: Bác Ái.
19. Tỉnh Lâm Đồng, gồm 1 huyện: Đam Rông.
20. Tỉnh Kon Tum, gồm 2 huyện: Kon Plong và Tu Mơ Rông./.